

Bài 5. QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần :

1. Về kiến thức

– Nêu được khái niệm, nội dung, ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.

– Hiểu được chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.

2. Về kĩ năng

– Phân biệt được những việc làm đúng và sai trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.

– Biết xử sự phù hợp với quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.

3. Về thái độ

– Ủng hộ chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.9, tr. 23.

– Có ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo và phê phán những hành vi gây chia rẽ dân tộc, tôn giáo.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Trọng tâm kiến thức bài học

Bài có 2 đơn vị kiến thức, được thực hiện trong 2 tiết. GV cần làm rõ các nội dung cơ bản sau :

– Thế nào là quyền bình đẳng giữa các dân tộc ?

– Nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc thể hiện trong các lĩnh vực : chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục.

– Ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

– Đường lối chính sách dân tộc của Đảng ta là : Bình đẳng – Đoàn kết – Tương trợ – Giúp nhau cùng phát triển, trong đó các dân tộc thiểu số có trình độ phát triển kinh tế – xã hội thấp được quan tâm giúp đỡ ; nghiêm cấm các hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc.

– Khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo ; phân biệt sự khác nhau giữa tín ngưỡng và mê tín dị đoan.

– Nội dung quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

– Ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

– Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

b) Một số kiến thức mới và khó

Để giảng dạy tốt bài này, GV cần nắm thêm một số vấn đề sau :

**** Về bình đẳng giữa các dân tộc***

Nguyên tắc hiến định là nguyên tắc được ghi nhận trong Hiến pháp.

Bình đẳng giữa các dân tộc là một nguyên tắc hiến định, được ghi nhận trong các bản Hiến pháp của nước ta qua các thời kì Hiến pháp 1959, 1980, 1992.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc. Đảng ta, từ khi mới thành lập, đã rất coi trọng vấn đề dân tộc, xem vấn đề dân tộc là một bộ phận có ý nghĩa sống còn trong chiến lược cách mạng của Đảng. Các văn kiện đầu tiên của Đảng đã nói đến quyền bình đẳng, tự quyết của các dân tộc. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (năm 1951) đã viết : "Các dân tộc ở Việt Nam đều được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, phải đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau để kháng chiến và kiến quốc". Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, quyền bình đẳng giữa các dân tộc được xác định là : Làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, các dân tộc thiểu số tiến kịp các dân tộc đa số, giúp các dân tộc phát huy tinh thần cách mạng và khả năng to lớn của mình. Trong cán bộ cũng như trong nhân dân, cần khắc phục tư tưởng dân tộc lớn và tư tưởng dân tộc hẹp hòi, đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc để cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4 năm 2001) đã nêu lên nguyên tắc cơ bản của chính sách dân tộc là : "bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển". Bốn nội dung đó có quan hệ hữu cơ với nhau, tác động qua lại với nhau, hợp thành một thể thống nhất, vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển. Có bình đẳng thì mới thực hiện được đoàn kết dân tộc ; có tương trợ, giúp nhau thì mới cùng nhau phát triển và củng cố tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc. Có đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển mới thực hiện được bình đẳng dân tộc.

Bình đẳng giữa các dân tộc xuất phát từ quyền cơ bản của con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn câu "Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng", từ *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mĩ để long trọng khẳng định trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ngày 02 – 9 – 1945. Các *Hiến pháp* năm 1959, 1980, 1992 đều khẳng định quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên đất nước Việt Nam và xác định đây là một trong những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Bình đẳng giữa các dân tộc cũng là nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong giao lưu, hợp tác giữa các dân tộc. Mọi hành vi miệt thị, chia rẽ các dân tộc đều bị nghiêm cấm.

** Về bình đẳng giữa các tôn giáo*

Trong những năm xâm chiếm nước ta, thực dân Pháp đã chủ trương ưu ái một số tôn giáo, liên kết với các tổ chức tôn giáo thống trị nhân dân ta, dùng chính sách chia để trị. Nhằm chống lại âm mưu thâm độc của chủ nghĩa thực dân, Đảng ta, từ khi ra đời đã lưu ý vấn đề tôn giáo, tuyên bố thực hiện tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng.

Ở nước ta, quyền bình đẳng giữa các tôn giáo thể hiện thông qua quyền bình đẳng giữa các tổ chức tôn giáo trước pháp luật, quyền bình đẳng của công dân, bình đẳng giữa những người theo các tôn giáo khác nhau, bình đẳng giữa những người theo tôn giáo và những người không theo tôn giáo. "Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật" là một trong những quyền cơ bản của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp và thể hiện trong nhiều văn bản pháp luật. Người theo tôn giáo, người không theo tôn giáo và những người theo các tôn giáo khác nhau ở nước ta đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, không có sự phân biệt đối xử vì lí do tín ngưỡng, tôn giáo.

Chỉ các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận mới được phép hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật được Nhà nước bảo đảm. Các hành vi kì thị, chia rẽ tôn giáo, lợi dụng tôn giáo đều bị xử lí theo pháp luật.

Nhận thấy tầm quan trọng của khối đoàn kết tôn giáo, ngay từ khi Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ tuyên bố : "Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết". Tinh thần đó được ghi nhận trong Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946 : "Nhân dân ta có quyền tự do tín ngưỡng".

Chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tôn giáo là đoàn kết, bình đẳng và tự do tín ngưỡng, bảo vệ các cơ sở thờ tự, trụ sở của các tôn giáo, đồng thời chống lại âm mưu của kẻ thù dân tộc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân.

2. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

a) Phương pháp dạy học

Dạy bài này, GV cần sử dụng đa dạng và kết hợp các phương pháp dạy học : phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp vấn đáp, phương pháp động não, phương pháp thảo luận nhóm...

b) Hình thức tổ chức dạy học

Bài này có thể tổ chức học theo nhóm, học cá nhân.

3. Về phương tiện dạy học

- SGK, SGV Giáo dục công dân 12 ;
- Sách tham khảo : Tình huống Giáo dục công dân 12 ; Bài tập trắc nghiệm Giáo dục công dân 12 ;

- Băng hình, đầu video, máy chiếu (nếu có) ;
- Máy tính (nếu sử dụng giáo án điện tử) ;
- Giấy khổ to, bút dạ để làm bài tập tình huống, bài tập trắc nghiệm theo nhóm ;
- Những câu chuyện, tiểu phẩm, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học ;
- Một số văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến nội dung bài học : Hiến pháp, Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Về kiểm tra, đánh giá

a) Gợi ý trả lời một số câu hỏi và làm bài tập trong SGK

** Các câu trong phần II – Nội dung bài học*

Điểm b mục 1 :

Câu 1 : Theo em, việc Nhà nước bảo đảm tỉ lệ thích hợp người dân tộc thiểu số trong các cơ quan quyền lực nhà nước ở Trung ương và địa phương có ý nghĩa gì ?

Quyền làm chủ về chính trị của các dân tộc được thể hiện trước hết ở sự tham gia của các đại biểu người dân tộc vào bộ máy nhà nước, vào các cơ quan quyền lực nhà nước các cấp. Hiện nay, trong Quốc hội, tỉ lệ đại biểu là người dân tộc thiểu số đã tăng lên. Người dân tộc thiểu số tham gia đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỉ lệ khá cao. Đó là xu hướng tích cực cần thúc đẩy phát triển.

Nhà nước đảm bảo tỉ lệ thích đáng người dân tộc thiểu số trong các cơ quan quyền lực nhà nước ở Trung ương và địa phương là để :

- Thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về mặt chính trị với nội dung cơ bản là phát huy quyền làm chủ của nhân dân các dân tộc ở cơ sở, địa phương và cả nước : tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh".

- Xây dựng chính quyền nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

** Các câu hỏi trong phần IV – Câu hỏi và bài tập*

Câu 2 :

Để thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, Nhà nước cần quan tâm đến các dân tộc thiểu số có trình độ phát triển kinh tế – xã hội thấp, vì :

Việc quy định quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong Hiến pháp có ý nghĩa quan trọng về mặt pháp lí, nhưng trên thực tế việc thực hiện quyền bình đẳng còn gặp nhiều khó khăn bởi giữa các dân tộc còn có một khoảng cách về điều kiện và trình độ phát triển kinh tế – xã hội không đồng đều. Tương trợ, giúp nhau cùng phát triển là một tất yếu khách quan trong quan hệ giữa các dân tộc. Sự tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc bao hàm cả dân tộc đa số có trình độ phát triển cao hơn giúp đỡ các dân tộc thiểu số, chậm phát triển và ngược lại. Trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc Nhà nước đóng vai trò đặc biệt quan trọng, đó là : tạo môi trường pháp luật, ban hành các chính sách tập trung đầu tư phát triển kinh tế – xã hội cho các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn ; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn một cách bền vững, giảm khoảng cách phát triển giữa các dân tộc và giữa các vùng trong cả nước ; tạo điều kiện về con người, phương tiện để các dân tộc thiểu số tự vươn lên, phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá, tiến kịp trình độ chung của cả nước.

Câu 3 :

Thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo có ý nghĩa sống còn trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì :

Bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo là nguyên tắc quan trọng trong giao lưu, hợp tác giữa các dân tộc, là cơ sở của đoàn kết dân tộc, đoàn kết giữa các tôn giáo, đoàn kết giữa những người theo tôn giáo và những người không theo tôn giáo, tạo nên sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc CNH, HĐH đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Câu 5 :

Lí do bố chị H không đồng ý cho chị H kết hôn với anh T là không có tính thuyết phục, không phù hợp với chính sách đoàn kết dân tộc, đoàn kết các tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Anh T và chị H nên dựa vào các quy định của pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, quyền bình đẳng giữa các tôn giáo và bằng tình yêu chân thật của hai người để thuyết phục bố chị H và hai gia đình cho phép hai người kết hôn với nhau.

Câu 6 :

Đáp án đúng : a, b.

b) Gợi ý kiểm tra, đánh giá

Bên cạnh những câu hỏi kiểm tra nhận thức, thái độ của HS, GV cần xây dựng những bài tập tình huống để đánh giá khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống ; giáo dục HS ý thức tôn trọng các phong tục tập quán, tín ngưỡng, văn hoá... của các dân tộc ; biết đoàn kết, giúp đỡ các bạn HS thuộc các dân tộc thiểu số có hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn ; biết đấu tranh chống những hoạt động mê tín dị đoan, lợi dụng tôn giáo...

Ví dụ :

1. Vì sao khi tiếp xúc với đồng bào các dân tộc thiểu số cần tránh sử dụng một số từ như : từ "Xá" chỉ dân tộc Khơ-mú, "Mèo" chỉ dân tộc H'Mông,... ?

2. Vì sao không nên vội vàng phê phán các nghi lễ như chọn đất làm nương rẫy, chọn ngày dựng nhà, "Sên bản sên mừng" (cúng bản mừng)... ?

3. Vì sao trong các bài viết và bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Người hay dùng chữ *đồng bào* ?

4. Vì sao trong Điều 22 Luật Hôn nhân và gia đình quy định : Vợ, chồng tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau : không được cưỡng ép, cản trở nhau theo hoặc không theo một tôn giáo nào ?

5. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động phong trào "Thanh niên tình nguyện", trong đó có việc tình nguyện lên vùng đồng bào các dân tộc thiểu số để tham gia xóa mù chữ, phổ biến khoa học – kĩ thuật... Nếu được vận động, em có tình nguyện tham gia các hoạt động trên không ? Vì sao ?

6. Sưu tầm tên tuổi, công trạng của các vị anh hùng dân tộc người thiểu số trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước Việt Nam.

7. Hãy sưu tầm và kể một vài phong tục, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số.

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở bài

Phương án 1 : GV có thể mở bài như trong SGK hoặc bằng cách dùng các tư liệu, câu chuyện có nội dung liên quan đến quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo để giới thiệu bài.

Phương án 2 : GV có thể đặt vấn đề gợi mở cho HS : Đảng ta, ngay từ khi mới ra đời đã xác định vấn đề dân tộc, tôn giáo là vấn đề chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt. Đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách như thế nào về dân tộc và tôn giáo ?

2. Phần tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức

a) Dạy học đơn vị kiến thức 1 : Bình đẳng giữa các dân tộc.

Nội dung 1 : Về khái niệm quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

** Mức độ kiến thức*

- HS nêu được khái niệm quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- HS hiểu được quyền bình đẳng giữa các dân tộc xuất phát từ quyền cơ bản của con người và quyền bình đẳng trước pháp luật của công dân.

** Cách thực hiện*

GV có thể đưa ra các câu hỏi để HS suy nghĩ, phân tích hoặc yêu cầu HS tìm các ví dụ chứng tỏ ở Việt Nam không có sự phân biệt đối xử giữa các dân tộc đa số, dân tộc thiểu số.

Ví dụ :

+ Trong câu : Đại gia đình các dân tộc Việt Nam thống nhất hiện có 54 dân tộc anh em, vì sao nói "Đại gia đình các dân tộc Việt Nam" và "54 dân tộc anh em" ?

+ Vì sao khi đô hộ nước ta thực dân Pháp lại sử dụng chính sách chia để trị ?

+ Ngày nay trên các đường phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đều có các phố mang tên các vị anh hùng người dân tộc thiểu số như Hoàng Văn Thụ, Tôn Đản, N'Trang Lơng. Điều đó có ý nghĩa gì ?

HS nêu các ý kiến của mình. GV nhận xét, bổ sung.

GV sử dụng phương pháp kích thích tư duy kết hợp với giảng giải, gọi lại kiến thức trong bài 4 để giúp HS hiểu quyền bình đẳng giữa các dân tộc xuất phát từ quyền cơ bản của con người và quyền bình đẳng trước pháp luật của công dân. GV nêu khái niệm về quyền bình đẳng giữa các dân tộc và kết luận quyền bình đẳng giữa các dân tộc là nguyên tắc hiến định đã được ghi nhận trong các bản Hiến pháp qua các thời kì.

Nội dung 2 : Ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

** Mức độ kiến thức*

HS hiểu được nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc được thể hiện trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và nêu được các ví dụ.

** Cách thực hiện*

GV đưa ra các câu hỏi để HS thảo luận. Ví dụ :

+ Ở nước ta có sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển kinh tế – xã hội giữa các dân tộc. Em hãy nêu ví dụ chứng minh.

+ Các chính sách của Nhà nước về đầu tư phát triển kinh tế – xã hội đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc có ý nghĩa như thế nào trong việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc ?

+ Khi nói chuyện với đồng bào và cán bộ tỉnh Cao Bằng, ngày 21-02-1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Đồng bào tất cả các dân tộc, không phân biệt lớn nhỏ, phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, phải đoàn kết chặt chẽ như anh em một nhà để cùng nhau xây dựng Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội làm cho tất cả các dân tộc được hạnh phúc ấm no"⁽¹⁾. Bình đẳng giữa các dân tộc được thể hiện như thế nào trong câu nói của Bác ?

+ Mục đích của việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc ?

+ Hãy tìm các ví dụ chứng tỏ sự bình đẳng giữa các dân tộc trong các lĩnh vực : chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội.

GV tổng hợp các ý kiến của HS và nêu ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

Nội dung 3 : Chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

** Mức độ kiến thức*

HS nêu được các chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

** Cách thực hiện*

GV có thể đặt ra một số câu hỏi để HS thảo luận theo từng nhóm. Các nhóm ghi ý kiến của thành viên vào giấy. Ví dụ :

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.10, tr.282.

– Em hãy cho biết vai trò của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hoá giữa các dân tộc.

– Vì sao Điều 7 Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng (ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ-BGD&ĐT) về chính sách ưu tiên trong tuyển sinh quy định : Công dân Việt Nam có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số thuộc nhóm ưu tiên 1 ?

– Em hãy nêu một số chính sách của Nhà nước nhằm khuyến khích trẻ em các dân tộc đến trường.

b) *Dạy học đơn vị kiến thức 2 : Bình đẳng giữa các tôn giáo.*

Nội dung 1 : Khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo, quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

** Mức độ kiến thức*

HS hiểu được :

– Khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo.

– Phân biệt được sự giống nhau và khác nhau giữa tín ngưỡng, tôn giáo ; giữa tín ngưỡng, tôn giáo và mê tín dị đoan.

** Cách thực hiện*

– GV sử dụng phương pháp giảng giải, kết hợp với đàm thoại nhằm giúp HS tìm hiểu khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo. Thông qua việc đưa ra các câu hỏi và sắp xếp câu hỏi hợp lí, GV hướng dẫn HS từng bước tìm ra khái niệm :

+ Theo em, người có đạo có phải là người có tín ngưỡng không ? Vì sao ?

+ Thờ cúng tổ tiên là hiện tượng tôn giáo hay tín ngưỡng ?

+ Tôn giáo và tín ngưỡng giống nhau và khác nhau như thế nào ?

+ Tín ngưỡng, tôn giáo có khác mê tín dị đoan không ? Tại sao phải chống mê tín dị đoan ?

HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời.

– GV nhận xét, bổ sung.

– Kết luận : Về mặt tổ chức, tôn giáo hình thành phát triển từ tín ngưỡng, tức niềm tin vào một lực lượng siêu nhiên nào đó. Tín ngưỡng trở thành tôn giáo đòi hỏi phải có giáo lí, giáo lễ, giáo luật, giáo đường, và tất nhiên phải có giáo dân.

Việt Nam là nước đa tôn giáo, các tôn giáo không phân biệt lớn, nhỏ đều được tự do hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

Nội dung 2 : Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

** Mức độ kiến thức*

HS hiểu được :

- Thế nào là bình đẳng giữa các tôn giáo.
- Nội dung quyền bình đẳng giữa các tôn giáo và ý nghĩa của việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.
- Trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần thực hiện quyền bình đẳng này.

** Cách thực hiện*

Trong bài này có nhiều kiến thức mới và khó hiểu đối với HS, vì vậy GV :

- Dựa vào các quan điểm và chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước, GV giải thích : Đảng và Nhà nước ta thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo, không phân biệt đối xử vì lí do tín ngưỡng, tôn giáo để động viên sức mạnh toàn dân vào việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật ; nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước.

- GV tổ chức cho HS chia sẻ với nhau những thông tin mà các em biết được về sự đoàn kết, bình đẳng giữa các tôn giáo hoặc quan điểm của các em trong việc đấu tranh chống những hành vi lợi dụng tôn giáo. Trên cơ sở đó giúp HS nêu lên ý nghĩa của việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

Kết luận : Các tôn giáo được Nhà nước thừa nhận đều bình đẳng trước pháp luật, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Phần củng cố

GV có thể tổ chức cho HS làm bài tập trắc nghiệm sau mỗi tiết dạy để HS hiểu đầy đủ nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.

Ví dụ :

Em hãy tìm câu trả lời đúng trong những câu sau :

a) Tôn giáo còn được gọi là đạo.

b) Tôn giáo được hình thành và phát triển từ tín ngưỡng.

c) Người có tín ngưỡng là người có tôn giáo.

d) Người có hoặc không có tôn giáo đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ công dân.

e) Các tôn giáo không phân biệt lớn nhỏ được tự do hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

g) Mọi hành vi chia rẽ tôn giáo, lợi dụng tôn giáo đều bị xử lí theo pháp luật.

GV tổ chức cho HS thảo luận để thấy được sự khác biệt giữa tôn giáo, tín ngưỡng với mê tín dị đoan và biết đấu tranh với những hiện tượng mê tín dị đoan.

IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII

"Đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, cùng nhau xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc là chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta."⁽¹⁾

"Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành động vi phạm tự do tín ngưỡng ; đồng thời nghiêm cấm

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam : Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.77.

và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập và đoàn kết dân tộc, chống phá chủ nghĩa xã hội, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân."⁽¹⁾

2. Thông tin

54 DÂN TỘC VIỆT NAM

- | | | | | |
|-----------------|----------------|------------|--------------|-----------------|
| 1. Ba-na | 12. Cơ lao | 23. Kháng | 34. Mnông | 45. Sán Dìu |
| 2. Bố Y | 13. Cơ-tu | 24. Khơ-me | 35. Mường | 46. Si La |
| 3. Brâu | 14. Dao | 25. Khơ-mú | 36. Ngái | 47. Tày |
| 4. Bru-Vân Kiều | 15. Ê-đê | 26. La Chí | 37. Nùng | 48. Tà-ôi |
| 5. Chăm | 16. Giáy | 27. La Ha | 38. Ó-đu | 49. Thái |
| 6. Chơ-ro | 17. Gia-rai | 28. La Hủ | 39. Pà Thên | 50. Thổ |
| 7. Chu-ru | 18. Giẻ-Triêng | 29. Lào | 40. Phù Lá | 51. Việt (Kinh) |
| 8. Chứt | 19. Hà Nhì | 30. Lô Lô | 41. Pu Péo | 52. Xinh-mun |
| 9. Co | 20. Hoa | 31. Lự | 42. Ra-glai | 53. Xơ-đăng |
| 10. Cống | 21. H'Mông | 32. Mạ | 43. Rơ-măm | 54. Xtiêng |
| 11. Cơ-ho | 22. H'rê | 33. Mảng | 44. Sán Chay | |

3. Bài đọc thêm

NGƯỜI TRƯỞNG HỌ MẪU MỰC

Ông Giàng Lù Sinh là trưởng dòng họ Giàng ở bản Sảng Phình, xã Sà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

Tuy đã 74 tuổi, nhưng với trách nhiệm của người Đảng viên, ông luôn thể hiện là một tấm gương sáng trong việc phòng ngừa, ngăn chặn bọn xấu lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn.

Từ năm 1987, lợi dụng trình độ dân trí thấp, đời sống của đồng bào vùng cao còn gặp nhiều khó khăn cộng với phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan nặng nề, một số phần tử xấu đã tuyên truyền, lừa bịp một bộ phận người Mông đi theo cái gọi là "Vàng Chứ" (Chúa trời hoặc Vua trời). Thực chất là lợi dụng tự do tín ngưỡng để lôi kéo quần chúng chống lại đường lối, chính sách ở cơ sở.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.121.

Trước tình hình trên, ông Sinh cùng với Đảng, chính quyền xã Sà Dề Phìn cùng bàn biện pháp ngăn chặn. Ông đã giáo dục con cháu không tin, không nghe và mắc mưu luận điệu của kẻ xấu. Đồng thời, ông vận động bà con trong bản mở rộng sản xuất, đổi mới vật nuôi, cây trồng, nhận đất khoán rừng, xây dựng nếp sống văn hoá, bỏ bớt những hủ tục lạc hậu, đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội... Do vậy, bản thân gia đình ông và nhiều hộ khác trong bản, xã đã khắc phục được tình trạng đói nghèo, ngày càng tin vào Đảng, vào chế độ ta. Lời nói hay và việc làm tốt của ông Sinh đã trở thành "Ánh Mặt Trời" xoá tan "Sương mù Vàng Chứ" ở một bản vùng cao. Người dân Sảng Phình luôn coi ông là "Cây đại thụ" mẫu mực của dòng họ "Giàng"⁽¹⁾.